

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(V/v: Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)

Căn cứ:

- Luật các Tổ chức tín dụng số 2010 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Doanh nghiệp 2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 2019 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Quốc Dân như sau:

1. Lý do, cơ sở pháp lý:

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, áp dụng các nội dung liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hiện đại trong tình hình mới, đặc biệt là các quy định về quyền của cổ đông, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm cả trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát là cần thiết.

2. Nội dung:

2.1 Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng:

i) Người đại diện theo pháp luật cũ:

Họ và tên: NGUYỄN TIỀN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị



Sinh ngày: 06/01/1966 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: 001066000467

Ngày cấp: 07/08/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

ii) Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên: **PHẠM THẾ HIỆP** Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1969 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: 031069007466

Ngày cấp: 17/02/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 19/116 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: số 19/116 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: Fax

(nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Giao HĐQT tổ chức triển khai và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng tại (các) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước khi hoàn thành thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từ Chủ tịch HĐQT sang Tổng Giám đốc tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Chủ tịch HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

2.2 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức, hoạt động HĐQT và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS được quy định chi tiết theo các Phụ lục đính kèm Tờ trình. Bao gồm:

- i) Phụ lục 01 - Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- ii) Phụ lục 02 - Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng;
- iii) Phụ lục 03 - Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
- iv) Phụ lục 04 - Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Để thuận tiện cho việc theo dõi và hoạt động của Ngân hàng, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành 04 (bốn) văn bản đã được hợp nhất sau khi sửa đổi, bổ sung như sau: (i) Điều lệ; (ii) Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; (iii) Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; và (iv) Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- i) Chấp thuận/đồng ý/phê duyệt thông qua các nội dung nêu tại Mục 2 Tờ trình này;

- ii) Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho HĐQT thực hiện đăng ký/thông báo cho các cơ quan quản lý Nhà nước và thông báo cho Cổ đông trên trang trang điện tử chính thức của NCB và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP.NCB.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
QUỐC ĐÂN

M.S.D.N: 1700169765 - C.T.C.P
Q. HOÀN KIẾM - T. P. HÀ NỘI

NGUYỄN TIẾN DŨNG



PHỤ LỤC 01 - GIẢI TRÌNH CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Ban hành kèm theo tờ trình số: 07/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021 về việc Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát)

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
Điều 1: Định nghĩa			
	1.5 Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm	1.5 Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2021 15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.	Cập nhật Luật Doanh nghiệp mới
	Chưa quy định	1.6 Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.	Bổ sung Luật Chứng khoán
	1.11 <u>Vốn điều lệ</u> là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.	1.11 <u>Vốn điều lệ</u> là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán và được ghi vào Điều lệ này.	Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
	1.15 <u>Cổ đông lớn</u> là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% trở lên số Cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng	1.15 <u>Cổ đông lớn</u> là Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số Cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng	Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán
	1.18 <u>Cổ tức</u> là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Ngân hàng để trả cho mỗi cổ phần.	1.18 <u>Cổ tức</u> là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	Khoản 5 Điều 2 Luật Doanh nghiệp
	1.19 <u>Số đăng ký cổ đông</u> là một tài liệu bằng văn bản, tập tin dữ liệu điện tử hoặc cả hai.	1.19 <u>Số đăng ký cổ đông</u> là một tài liệu bằng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này. Số đăng ký cổ đông phải có các	Điều 122 Luật Doanh nghiệp



Handwritten signature

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN và Luật Doanh nghiệp.	
	1.20 Tổ chức lại Ngân hàng là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại và chuyển đổi Ngân hàng	1.20 Tổ chức lại Ngân hàng là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Ngân hàng	Khoản 31 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
	Chưa quy định	1.27 Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
Điều 2. Thông tin của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (NCB)			
2.8	2.8 “Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi đại diện theo ủy quyền, thời hạn đại diện. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.”	2.8 <u>Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là Tổng Giám đốc. Trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc không thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ do sự kiện bất khả kháng hoặc trước khi hoàn tất thủ tục đăng ký Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.</u> Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi đại diện theo ủy quyền, thời hạn đại diện. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
Điều 16. Tỷ lệ bảo đảm an toàn và dự phòng rủi ro			
16.1	Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau	Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau	Khoản 1 Điều 1, Thông tư

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>đây:</p> <p>(i) Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>(ii) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hoặc cao hơn theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;</p> <p>(iii) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</p> <p>(iv) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>(v) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</p> <p>(vi) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</p>	<p>đây:</p> <p>(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;</p> <p>(ii) Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng;</p> <p>(iii) Tỷ lệ khả năng chi trả</p> <p>(iv) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</p> <p>(v) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p>(vi) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần.</p> <p>(vii) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi.</p>	22/2019/TT-NHNN
Điều 22. Cổ phiếu			
22.1	<p>22.1 Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức đối với cổ</p>	<p>22.1 Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>e. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;</p> <p>f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân</p>	Điều 121 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>phiếu có ghi tên;</p> <p>f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;</p> <p>h. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu.</p> <p>i. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117, 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	<p>hàng;</p> <p>g. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu.</p> <p>h. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117, 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	
22.4	<p>22.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Ngân hàng xử lý như sau:</p> <p>a. Ngân hàng cấp lại cổ phiếu cho cổ đông theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam kết về những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam kết rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả cho Ngân hàng để tiêu hủy; - Hoàn toàn chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. <p>b. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Ngân hàng cấp cổ</p>	<p>22.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	phiếu mới.		
Điều 24. Chào bán, chuyển nhượng, thu hồi và mua lại cổ phần			
24.3 d. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông			Điều 132 Luật Doanh nghiệp
	<p>(i) Cổ đông biểu quyết <u>phản đối</u> quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;</p> <p>(ii) Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại tiết (i) khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc theo quy định của pháp luật trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một <u>tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá</u>. Ngân hàng giới thiệu ít nhất ba <u>tổ chức định giá chuyên nghiệp</u> để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;</p>	<p>(i) Cổ đông đã biểu quyết <u>không thông qua</u> nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này;</p> <p>(ii) Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại tiết (i) điểm này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc theo quy định của pháp luật trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một <u>tổ chức thẩm định giá định giá</u>. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) <u>tổ chức thẩm định giá</u> để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	
Mua lại cổ phần theo quyết định của Ngân hàng			Điều 133 Luật Doanh nghiệp
	(iv) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi <u>chào bán cổ phần</u> của mình bằng phương thức báo đảm đến	(iv) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải <u>gửi văn bản đồng ý bán cổ phần</u> của mình bằng phương thức để	

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Chào bán</u> phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u> của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần <u>chào bán</u>; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Văn bản đồng ý bán cổ phần</u> phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần <u>đồng ý bán</u>; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.</p>	
Điều 26. Phát hành trái phiếu			
26.1	<p>26.1 Việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng phải tuân thủ quy định tại 127 Luật Doanh nghiệp, Luật Các TCTD và các quy định pháp luật khác có liên quan</p>	<p>26.1 Việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng phải tuân thủ quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Các TCTD và các quy định pháp luật khác có liên quan</p>	Khoản 1 Điều 128 Luật Doanh nghiệp
Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông và xác lập danh sách cổ đông			
28.1	<p>28.1 Ngân hàng lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở của Ngân hàng; Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn 	<p>28.1 Ngân hàng lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của Ngân hàng hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được 	Khoản 1 và Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>cổ phần đã góp;</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần</p>	<p>quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</p>	
28.2	28.2 Số đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Việc theo dõi và quản lý cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.	28.2 Số đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ số đăng ký cổ đông. Việc theo dõi và quản lý cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Khoản 3 Điều 122 Luật Doanh nghiệp
Điều 29. Quyền của cổ đông			
29.1	e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.	e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc</u> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của cổ đông đó.	Điểm a Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
	<p>j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng, có các quyền sau đây:</p> <p>(i) <u>Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);</u></p> <p>(ii) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm</p>	<p>j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong 06 (sáu) tháng liên tục có các quyền sau đây:</p> <p>(i) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát, <u>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác,</u></p>	Khoản 2,3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>(iii) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; <p>Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>(iv) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy</p>	<p>trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>(ii) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; <p>Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>(iii) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ</p>	

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p><u>chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa mã số doanh nghiệp, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
	<p>l. <u>Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát quy định tại Tiết (i), Điểm a, Khoản 29.1 Điều này</u> được thực hiện trước khi họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 52 của Điều lệ này. Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông, nhóm cổ đông. Số lượng ứng cử viên có thể đề cử được thực hiện như sau:</p>	<p>k. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong 06 (sáu) tháng liên tục trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</u> Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện trước khi họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 52 của Điều lệ này. Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông, nhóm cổ đông. Số lượng ứng cử viên có thể đề cử <u>vào Hội đồng quản trị</u> được thực hiện như sau:</p>	<p>Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>
29.4	<p>29.4Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông <u>liên tục trong thời hạn 06 tháng</u> có quyền tự mình hoặc nhân danh Ngân hàng khởi kiện trách nhiệm <u>dân sự</u> đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vi phạm <u>nghĩa vụ</u> người quản lý theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;</p>	<p>29.4Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Ngân hàng khởi kiện <u>trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới</u> đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác</u> trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp</p>

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>b. <u>Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. <u>Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p>e. <u>Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Ngân hàng để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Ngân hàng sẽ được tính vào chi phí của Ngân hàng, trừ trường hợp bị bác đơn yêu cầu khởi kiện.</p>	<p>a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;</p> <p>b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Ngân hàng sẽ được tính vào chi phí của Ngân hàng, trừ trường hợp bị bác đơn yêu cầu khởi kiện.</p> <p><u>Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trong tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</u></p>	
Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông			
30.1	Chưa quy định	f. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được	Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	Chưa quy định	Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. h. Có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật;	Điểm d Khoản 1 Điều 41 Luật chứng khoán
Điều 31. Đại hội đồng cổ đông			
31.2	31.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn</u> , nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	31.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết</u> , nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
31.3	31.3 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp	31.3 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Bỏ cụm từ “lựa chọn địa điểm phù hợp” vì địa điểm họp được quy định theo các điều khoản dưới đây tại Điều lệ.
31.4	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh</u> của cổ đông; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của người đại diện theo ủy quyền;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, <u>địa chỉ trụ sở chính</u> của cổ đông; c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> của từng người đại diện theo ủy quyền;	Điểm a và c Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp
Điều 32. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông			
32.3	32.3 Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;	32.3 Phê duyệt <u>quy chế quản trị nội bộ</u> ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;	Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
32.8 và 32.9	<p>32.8 Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; <u>thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</u></p> <p>32.9 <u>Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;</u></p>	<p>32.8 Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</u></p> <p>32.9 <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u></p>	Điểm b, g Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
	Chưa quy định	32.19 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;	Điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
Điều 33. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông.			
33.1	31.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	33.1 <u>Hội đồng quản trị triệu tập họp</u> Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên</u> họp ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông <u>được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp</u> và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
33.2	<p>33.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết không sớm hơn 30 (ba mươi) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải có họ, tên,</p>	<p>33.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung</u>, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải có họ,</p>	Khoản 1 và 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p><u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p>	<p>tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với</u> cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, <u>hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p>	
33.3 và 33.4	<p>33.3Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất <u>bảy</u> ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, <u>số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty</u>, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>33.4Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 33.3 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</u>; Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện về số lượng và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Khoản 33.3 	<p>33.3Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>05%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất là <u>03 (ba)</u> ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>33.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 33.3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản <u>33.3 Điều lệ này</u>; Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Vào thời điểm <u>nhận được</u> kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện về số lượng và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Khoản 33.3 Điều này; Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung 	Điều 142 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>Điều này;</p> <p>d. Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung của Ngân hàng.</p>	<p>của Ngân hàng.</p> <p><u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cổ đông, nhóm cổ đông kiến nghị.</u></p>	
Điều 34. Chương trình họp và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông			
34.1	34.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Cụ thể như sau:	34.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc <u>tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.</u> Cụ thể như sau:	Điều 143 Luật Doanh nghiệp Điều lệ mẫu Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	a. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký trước với Ngân hàng.	a. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông mà cổ đông đăng ký trước với Ngân hàng <u>và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</u>	Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp
	b. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh</u> của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.	b. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp của Ngân hàng</u> ; tên, địa chỉ địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp
	c. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn	c. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	đề trong chương trình họp.		
	<u>d. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</u>	<u>d. Các tài liệu họp có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thay vì gửi kèm theo thông báo mời họp. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Ngân hàng phải gửi tài liệu cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</u>	Khoản 4 Điều 143 Luật Doanh nghiệp
Điều 35. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông			
35.1	35.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và/hoặc người được ủy quyền họp pháp dự họp đại diện ít nhất <u>51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	35.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và/hoặc người được ủy quyền họp pháp dự họp đại diện trên <u>50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
Điều 36. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông			
36.1	36.1 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp <u>không có người</u> có thể làm chủ tọa thì <u>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; b. <u>Trong các trường hợp khác</u> , người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại	36.1 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <u>theo nguyên tắc đa số</u> ; trường hợp <u>không bầu được</u> người làm chủ tọa thì <u>Trưởng Ban kiểm soát</u> điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc	Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. <u>Đại hội đồng cổ đông bầu ban thư ký cuộc họp và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu <u>không quá ba người</u> theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>họp;</p> <p>b. <u>Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này</u>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. <u>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu <u>một hoặc một số</u> người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
36.5	<p>36.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành <u>bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Một thẻ biểu quyết có thể được thiết kế dùng để biểu quyết cho nhiều vấn đề</u>. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông được họp theo phương thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, việc biểu quyết thực hiện theo các tài liệu, văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.</p>	<p>36.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng <u>Thẻ biểu quyết (tán thành, không tán thành và không có ý kiến) và/hoặc bằng Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào từng nội dung. Tại cuộc họp, đối với các nội dung được biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thì số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Đối với các vấn đề lấy ý kiến thông qua Phiếu biểu quyết thì Phiếu biểu quyết sẽ được thu khi các nội dung đã được cổ đông cho ý kiến</u>. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông được họp theo phương thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu</p>	Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		điện tử hoặc hình thức điện tử khác, việc biểu quyết thực hiện theo các tài liệu, văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.	
36.7	<p>36.7 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp <u>theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp</u> trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>c. <u>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</u></p>	<p>36.7 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp <u>tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp</u> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. <u>Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</u></p> <p>c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p>	Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp
	Chưa quy định	<p>36.9 Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng. Cụ thể:</p> <p>a. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ</p>	Bổ sung quy định về họp trực tuyến

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<p>của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp trong các trường hợp như chiến tranh, khủng bố, bạo động, tình trạng khẩn cấp quốc gia, rối loạn công cộng, đình công, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, thiên tai, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại/các sự kiện có tính chất tương tự và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p> <p>b. Trình tự, thủ tục và các quy định khác về Hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và/hoặc các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.</p>	
Điều 37. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông			
37.2	<p>37.2 Việc ủy quyền cho <u>người</u> đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>c. <u>Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy</u></p>	<p>37.2 Việc ủy quyền cho <u>cá nhân, tổ chức</u> đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Số lượng người được ủy quyền tương ứng với cổ phần của cá nhân, tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 37.5 Điều này. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</u></p>	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<u>quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</u>		
37.6	<p>37.6 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho <u>một người khác</u> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp phù hợp với quy định tại Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>37.6 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho <u>cá nhân, tổ chức</u> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp phù hợp với quy định tại Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử <u>và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định khác của Ngân hàng.</u></p>	Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 38. Đại hội đồng cổ đông bất thường</u>			
38.4	<p>38.4 Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 <u>Điều 114</u> Luật Doanh nghiệp. Văn bản yêu cầu triệu tập họp thực hiện theo quy định tại Khoản 3 <u>Điều 114</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>38.4 Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>05%</u> tổng số cổ phần phổ thông <u>trở lên</u> của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 <u>Điều 115</u> Luật Doanh nghiệp. Văn bản yêu cầu triệu tập họp thực hiện theo quy định tại Khoản 4 <u>Điều 115</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	Điểm c Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 39. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường</u>			

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
39.3	39.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 39.2 Điều này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 38.4 Điều 38 Điều lệ này có quyền <u>thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</u>	39.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 39.2 Điều này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 38.4 Điều 38 Điều lệ này có quyền <u>đại diện Ngân hàng</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.	Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
40.3	a. Được số cổ đông đại diện <u>trên 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp/lấy ý kiến bằng văn bản chấp thuận;	a. <u>Trừ trường hợp được quy định tại điểm b và điểm c Khoản này</u> , các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp/lấy ý kiến bằng văn bản chấp thuận;	Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
	Chưa quy định	d. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
40.4	Chưa quy định	40.4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có	Khoản 1 Điều 152 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.	
Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
41.1	41.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.	41.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 40.2 Điều 40 Điều lệ này.</u>	Trừ những quyết định bắt buộc phải thông qua tại cuộc họp
41.2	41.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông hoặc gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác. Trường hợp lấy ý kiến thông qua gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác thì thể thức, quy trình thực hiện và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.	41.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông hoặc gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác. Trường hợp lấy ý kiến thông qua gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác thì thể thức, quy trình thực hiện và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ. <u>Dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thay vì gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến. Trường hợp này, phiếu lấy ý kiến cổ đông phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.</u>	Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
41.3	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</u> của Ngân hàng; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn</u>	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp</u> của Ngân hàng; c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số	Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p><u>cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>doanh nghiệp, <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	
41.6	<p>41.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>41.6 Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông			
42.1	<p>42.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Ngân hàng. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, hai biên bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản này gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</u>;</p> <p>b. Ngày, tháng và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp;</p> <p>d. <u>Đại biểu tham dự</u>, họ tên chủ tịch (chủ tọa) và thư ký;</p>	<p>42.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản <u>và có thể ghi âm hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử khác</u>. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, hai biên bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản này gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp của ngân hàng</u>;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. <u>Họ, tên chủ tọa và thư ký</u>;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát</p>	Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. <u>Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội cổ đông thông qua;</u></p> <p>g. <u>Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;</u></p> <p>h. Tổng số phiếu biểu quyết về từng vấn đề, trong đó ghi rõ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>i. Tên và chữ ký của chủ tọa (chủ tọa) và Thư ký.</p>	<p>biểu tại Đại hội cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. <u>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết về từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ <u>phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>h. <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và Thư ký.</p> <p><u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Nếu tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản họp, thì Trưởng Ban kiểm soát ký Biên bản họp và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nếu tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản họp, thì Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số các cổ đông dự họp thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký biên bản họp và nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
42.3	42.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	42.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
42.4	42.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.	42.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
43.1	43.1 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	43.1 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	Điều 151 Luật Doanh nghiệp
Điều 46. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ			
46.2	46.2 Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Công ty	46.2 Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Công ty	Điểm đ, e Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>con của Ngân hàng:</p> <p>a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</p>	<p>con của Ngân hàng:</p> <p>a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, <u>người có khó khăn trong nhân thức và làm chủ hành vi;</u></p> <p>b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, <u>tạm giam</u>, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án, <u>đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</u></p>	
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của Ngân hàng			
48.1	Chưa quy định	e. Không được làm thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty.	Khoản 2 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
48.2	c. Không phải là người có <u>vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em</u> và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;	c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, <u>bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi</u> , anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;	Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
48.3	Chưa quy định	<p>d. <u>Không phải là người quản lý Ngân hàng;</u></p> <p>e. <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;</u></p>	Điều 169 Luật Doanh nghiệp
48.4	Chưa quy định	f. <u>Không được là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của Ngân hàng;</u>	Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<u>người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;</u>	
Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm			
50.1	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> i. Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng, cổ đông. j. Không trung thành với lợi ích của Ngân hàng thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông. k. Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng. l. Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức 	Bổ sung thêm trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<p>khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng;</p> <p>m. Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.</p>	
Điều 53. Công khai các lợi ích có liên quan			
53.1	<p>53.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương khác của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp, <u>tổ chức kinh tế</u> mà họ, <u>những người liên quan của họ</u> đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần <u>hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên</u>, bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>b) <u>Doanh nghiệp mà họ, những người có liên quan của họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p>	<p>53.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương khác của Ngân hàng phải công khai cho Ngân hàng các thông tin về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp mà họ <u>làm chủ</u> hoặc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần bao gồm: Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <u>tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</u></p> <p>b) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</u></p>	Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp
53.3	53.3 Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 53.1 Điều này phải được thông báo định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và	53.3 Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và các lợi ích có liên quan được kê khai theo quy định	Khoản 4 Điều 164 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	<u>tai Khoản 53.1 và 53.2 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.</u>	
	Chưa quy định	53.6 <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.</u>	Khoản 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp
Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột quyền lợi			
	57.3 Các hợp đồng <u>kinh tế, dân sự</u> (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các Điều 126, 127, 128, 129 của Luật Các TCTD và văn bản hướng dẫn dưới luật) giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn và người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu bảo đảm thực hiện đúng theo quy định sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hoặc bằng 20% vốn tự có của Ngân hàng tại thời điểm ký kết, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành	57.3 Các hợp đồng, <u>giao dịch</u> (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các Điều 126, 127, 128, 129 của Luật Các TCTD và văn bản hướng dẫn dưới luật) giữa Ngân hàng <u>với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua/chấp thuận:</u> a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn</u> và người có liên quan của họ;	Điểm q Khoản 2 Điều 59 và Khoản 10 Điều 63 Luật các TCTD Điều 167 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban, tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban, tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của Ngân hàng tại thời điểm ký kết, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, tối thiểu được 65% tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông đó bỏ phiếu tán thành;</p> <p>c. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 57.4 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.</p>	<p>b. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;</p> <p>c. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 53.1 Điều 53 Điều lệ này.</p> <p>57.4 Hội đồng quản trị chấp thuận/thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% vốn điều lệ có của Ngân hàng tại thời điểm ký kết, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban, tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban, tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.</p> <p>57.5 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận/thông qua các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ký kết, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, tối thiểu được 65% tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông đó bỏ phiếu tán thành;</p> <p>57.6 Trường hợp, hợp đồng, giao dịch được ký kết mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận/thông qua theo quy định tại Khoản 57.4 và Khoản 57.5 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho</p>	

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.	
Điều 59. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Hội đồng quản trị			
59.2	59.2Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	59.2Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp
59.4	59.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.	59.4 <u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u> a. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba). Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</u> b. <u>Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 59.3 Điều này;</u> c. <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành</u>	Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<u>viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</u>	
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị			
60.1	Chưa quy định	<p><u>Bổ sung thêm các thẩm quyền:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> c. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng e. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; r. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; w. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông 	Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
	g. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại Khoản 32.15 Điều 32 của Điều lệ này.	h. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng, vay, cho vay, bảo lãnh có giá trị dưới 20% so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại Khoản 32.15 Điều 32 của Điều lệ	Điều chỉnh cho phù hợp với thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		này.	
Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị			
	Chưa quy định	61.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế.	Điều lệ mẫu Thông tư số 16/2020/TT-BTC
61.4	61.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	61.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình</u> thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được <u>hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa <u>số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u>	Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị			
	Chưa quy định	62.10 <u>Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</u> 62.11 <u>Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.</u> 62.12 <u>Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của</u>	Khoản 2, 3 Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<p><u>cổ đông và của Ngân hàng;</u></p> <p>62.13 <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p>	
Điều 63. Hợp Hội đồng quản trị			
63.2	63.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác;	63.2 Hội đồng quản trị họp <u>ít nhất mỗi quý một lần</u> và có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác;	Khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
63.6	63.6 Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, người triệu tập phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên; Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. <u>Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</u>	63.6 Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc</u> người triệu tập phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp <u>Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của đa số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp có thể tổ chức ngay sau khi gửi thông báo mời họp; các tài liệu có liên quan có</u>	Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<u>thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.</u>	
	Chưa quy định	<p>63.11 Hội đồng Quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tiếp.</p> <p>Thẻ thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin để họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.</p>	Bổ sung quy định họp trực tuyến
<u>Điều 64. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</u>			
64.2	64.2 Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định Hội đồng quản trị, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.	64.2Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định Hội đồng quản trị, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác.</u>	Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
64.7	64.7Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các	64.7Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các	Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng</u> trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	
Điều 67. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban kiểm soát			
67.3	67.3 Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 03 (ba) thành viên, trong đó phải có <u>ít nhất</u> 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.	67.3 Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 03 (ba) thành viên, trong đó phải có <u>hơn</u> 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên <u>thường trú tại Việt Nam</u> và là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.	Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp
Điều 68. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát			
	Chưa quy định	68.5 <u>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u>	Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp

PHỤ LỤC 02 - GIẢI TRÌNH CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo tờ trình số: 07/2021/TT-HDQT ngày 05/04/2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát)

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
Điều 5. Giải thích từ ngữ			
5.7	5.7 Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại.....	5.7 Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại <u>Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ.</u>	Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
5.9	5.9 Cổ đông lớn của Ngân hàng là cổ đông sở hữu <u>trực tiếp, gián tiếp</u> từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.	5.9 Cổ đông lớn của Ngân hàng là cổ đông sở từ 05% (năm phần trăm) cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.	Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp			
6.1	6.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>30 (ba mươi)</u> ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	6.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được lập không quá <u>10 (mười)</u> ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp
6.2	6.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải có họ,	6.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải có họ, tên,	Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp



Handwritten signature

Điều khoản sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa
Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ		<p>địa chỉ <u>hiện lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> công dân, <u>Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân</u> là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp, số <u>giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p>
		<p>Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>
Điều 143 Luật Doanh nghiệp	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc <u>tính từ ngày thông báo gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ</u>. Cụ thể như sau:</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Cụ thể như sau:</p>
	<p>7.1 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông đăng ký trước với Ngân hàng và <u>đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng;</u></p>	<p>7.1 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký trước với Ngân hàng;</p>
	<p>7.2 Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trú sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng</u>; tên, địa chỉ <u>thường trú</u> của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp;</p>	<p>7.2 Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trú sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng</u>; tên, địa chỉ <u>thường trú</u> của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp;</p>
	<p>7.3 Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc</p>	<p>7.3 Kèm theo thông báo mời họp phải có <u>mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp</u>, chương trình</p>

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
10.3	10.3 Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.	10.3 Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.	Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
10.4	10.4 Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.	10.4 Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.	
Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm			
12.1	Chưa quy định	<p>f. Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng, cổ đông.</p> <p>g. Không trung thành với lợi ích của Ngân hàng thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông.</p> <p>h. Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp</p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<p>mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng.</p> <p>i. Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng;</p> <p>j. Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.</p>	
Điều 14. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị			
14.4	14.4 Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định, HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.	<p>14.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba). Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 59.3 Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành</p>	Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị			
20.2	20.2 Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 59 của Luật CTCTD.</u>	20.2 Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại <u>Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.</u>	Điều chỉnh lại theo Điều lệ
20.8	20.8 Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn Điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy <u>định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật CTCTD.</u>	20.9 Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng, vay, cho vay, bảo lãnh có giá trị dưới 20% so với vốn Điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng <u>thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Điều chỉnh lại theo Điều lệ
	Chưa quy định	20.3 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng 20.5 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. 20.10 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; 20.27 Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
20.17	20.17 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.	20.19 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; 20.20 Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định	

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		huy động thêm vốn theo hình thức khác;	
Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị			
21.4	21.4 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT tạm thời không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.	21.4 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình</u> thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT tạm thời không làm việc được <u>hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số <u>thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u>	Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị			
	Chưa quy định	<p>22.15 Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>22.16 Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.</p> <p>22.17 Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Ngân hàng;</p> <p>22.18 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 23 Các cuộc họp Hội đồng Quản trị			

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
23.7	23.7 Thông báo mời họp được gửi <u>bằng bưu điện</u> , fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp ngay trong ngày họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.	23.7 Thông báo mời họp Hội đồng quản trị <u>có thể gửi bằng giấy mời</u> , điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của đa số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp</u> có thể tổ chức <u>ngay sau khi gửi thông báo mời họp</u> ; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.	Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
23.14	Chưa quy định	23.14 HĐQT quyết định tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tiếp. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin để họp HĐQT theo quy định tại Khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp HĐQT và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.	Bổ sung quy định họp trực tuyến theo quy định tại Điều lệ
Điều 24. Thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản			
Bổ sung	Chưa quy định	24.1 Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. 24.2 Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo	Bổ sung quy định về thể thức lấy ý kiến bằng văn bản của

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<p>quyết định HĐQT, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT <u>hoặc gửi bằng fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác</u>. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung được quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thành viên HĐQT gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử.</p> <p>24.3 Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>24.4 Thư ký HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập hoặc tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến; c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết; 	HĐQT

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</p> <p>e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT, người chứng kiến, giám sát.</p> <p>24.5 Thư ký HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người chứng kiến, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>24.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT hoặc có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>24.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.</p>	
Điều 25. Biên bản họp Hội đồng Quản trị			
24.1	<p>h. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>h. Các vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p>	Điều 158 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. <u>Trưởng hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này (trừ tiết i) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.</u>	
Điều 26. Công khai các lợi ích có liên quan			
26.1	<p>26.1 Thành viên HĐQT phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh</u> của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình <u>và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn Điều lệ trở lên;</u></p> <p><u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</u></p>	<p>26.1 Thành viên HĐQT phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <u>mã số doanh nghiệp</u> của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình <u>làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ và thời điểm làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</u></p> <p><u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</u></p>	Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp
26.3	26.3 <u>Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại Khoản 25.1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội</u>	26.3 <u>Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và các lợi ích có</u>	Khoản 4 Điều 164 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<u>đồng cổ đông của Ngân hàng và được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</u>	<u>liên quan được kê khai theo quy định tại Khoản 26.1 và 26.2 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.</u>	
26.5	Chưa quy định	26.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.	Khoản 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp
Điều 34. Hiệu lực thi hành			
34.2	34.2 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định.	34.2 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định và phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.	Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp

PHỤ LỤC 03 - GIẢI TRÌNH CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

(Ban hành kèm theo tờ trình số: 07/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát)

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
Điều 4. Giải thích từ ngữ			
4.5	4.5 Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.	4.5 Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.	Cập nhật lại Luật Doanh nghiệp 2020
4.11	4.11 Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28 Điều 4 Luật CTCTD , các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn của Luật này và theo quy định của pháp luật.	4.11 Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh lại theo Điều lệ
4.12	4.12 Công ty liên kết của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Khoản 29 Điều 4 Luật CTCTD.	4.12 Công ty liên kết của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh lại theo Điều lệ
4.13	4.13 Công ty con của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Khoản 30 Điều 4 Luật CTCTD.	4.13 Công ty con của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh lại theo Điều lệ
Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị			
	Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm	Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm	Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	kỳ không hạn chế.. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.</u> Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	
Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ			
7.1	7.1 Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.	7.1 Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, <u>người có khó khăn trong nhân thức và làm chủ hành vi.</u>	Điều đ, e khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp
7.2	7.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.	7.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, <u>tam giam, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u>	
Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị			
9.5	Chưa quy định	9.5 Không được làm thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty.	Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập			

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	hợp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;	hợp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;	
7.4	7.4 <u>Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</u>	7.4 <u>Các tài liệu họp có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thay vì gửi kèm theo thông báo mời họp. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Ngân hàng phải gửi tài liệu cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</u>	
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông			
8.3	8.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u> a) <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</u> b) <u>Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</u> <u>Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</u> Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	8.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Số lượng người được ủy quyền tương ứng với cổ phần của cá nhân, tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 37.5 Điều 37 Điều lệ Ngân hàng.</u> Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
Điều 9. Thể thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp			
9.1	9.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu số thẻ biểu quyết tán thành một quyết định, sau đó thu số thẻ biểu quyết không tán thành quyết định đó, và sau đó kiểm tổng số phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu tán thành một vấn đề, không tán thành một vấn đề, hoặc không có ý kiến sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Một thẻ biểu quyết có thể được thiết kế dùng để biểu quyết cho nhiều vấn đề.	9.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền <u>và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.</u> Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu số thẻ biểu quyết tán thành một quyết định, sau đó thu số thẻ biểu quyết không tán thành quyết định đó, và sau đó kiểm tổng số phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu tán thành một vấn đề, không tán thành một vấn đề, hoặc không có ý kiến sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Một thẻ biểu quyết có thể được thiết kế dùng để biểu quyết cho nhiều vấn đề.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp
9.4	9.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện</u> 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	9.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>được thông qua bằng</u> 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	
9.5	9.5 Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông được họp theo phương thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, việc biểu quyết thực hiện theo các tài liệu, văn bản hướng dẫn do Hội	9.5 Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo đề cổ đông tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại	Bổ sung quy định về họp trực tuyến để phù hợp với Điều lệ Ngân hàng

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.	<p>Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:</p> <p>a. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp trong các trường hợp như chiến tranh, khủng bố, bạo động, tình trạng khẩn cấp quốc gia, rối loạn công cộng, đình công, bệnh dịch, hòa hoãn, lũ lụt, động đất, thiên tai, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại/các sự kiện có tính chất tương tự và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p> <p>b. Trình tự, thủ tục và các quy định khác về Hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và/hoặc các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.</p>	
Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông			
12.1	12.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Ngân hàng . Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, hai biên bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản này phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	12.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử khác . Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, hai biên bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản này phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các diễn biến của	Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
12.3	12.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.	12.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông <u>hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng</u> trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.	Khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
Điều 14. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản			
14.1	a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.	a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 14.2 Điều này.</u>	Trừ những quyết định phải thông qua tại cuộc họp
	b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông hoặc gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác. Trường hợp lấy ý kiến thông qua gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác thì thể thức, quy trình thực hiện và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ	b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông hoặc gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác. Trường hợp lấy ý kiến thông qua gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác thì thể thức, quy trình thực hiện và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ. <u>Dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thay vì gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến. Trường hợp này, phiếu lấy ý kiến cổ đông phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu</u>	Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</u> của Ngân hàng;</p> <p>ii) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>iii) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp</u> của Ngân hàng;</p> <p>iv) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
	<p>f. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh</u>;</p>	<p>f. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp của Ngân hàng</u>;</p>	Điểm a khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị			
15.4	Chưa quy định	15.4 Không được làm thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty.	Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
15.5	<p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p>	<p>c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p>	Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
Điều 21. Các cuộc họp Hội đồng quản trị			
21.11	Chưa quy định	<p>21.11 HĐQT quyết định tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tiếp.</p> <p>Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin để họp HĐQT theo quy định tại Khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp HĐQT và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.</p>	Bổ sung quy định họp trực tuyến để phù hợp với Điều lệ Ngân hàng
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị			
	Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, người triệu tập	Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng	Khoản 6 Điều 157

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
	<p>phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên; Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu có liên quan có thể được <u>gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p>	<p><u>quản trị hoặc</u> người triệu tập phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên; Thông báo mời họp <u>Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ <u>liên lạc</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải họp</u> khẩn cấp <u>hoặc có đề nghị của đa số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> hoặc người triệu tập họp có thể <u>tổ chức ngay sau khi gửi thông báo mời họp</u>; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.</p>	Luật doanh nghiệp
Điều 25. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị			
25.1	<p>h. Các vấn đề đã được thông qua; i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>h. Các vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>; i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. <u>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này (trừ điểm i) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị</u></p>	Điều 158 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Điều lệ
		<u>ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.</u>	
Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên			
	Chưa quy định	25.5 Không phải là người quản lý Ngân hàng; 25.6 Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;	Điều 169 Luật Doanh nghiệp
Điều 29. Các tiêu chuẩn của người điều hành Ngân hàng			
29.1	Chưa quy định	f. Không được là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;	Điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp
Điều 43. Điều khoản thi hành			
43.3	43.3 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do <u>HDQT</u> quyết định.	43.3 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HDQT quyết định và phải được <u>Đại hội đồng cổ đông</u> phê duyệt.	Điều 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp

**PHỤ LỤC 04 - GIẢI TRÌNH CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

(Ban hành kèm theo tờ trình số: 07/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát)

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Quy chế
Điều 5: Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban Kiểm soát			
5.1	Ban Kiểm soát có từ 3 thành viên trở lên do Đại hội cổ đông bầu, trong đó có ít nhất 03 (thành viên) thường trú tại Việt Nam và số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm trưởng ban Kiểm soát.	Sửa đổi nội dung: Ban kiểm soát của Ngân hàng có từ 03 (ba) thành viên, trong đó phải có hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam và là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.	Điều 168 Luật Doanh nghiệp
5.3	Chưa có quy định thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Bổ sung nội dung: Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 168 Luật Doanh nghiệp
Điều 6: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát			
6.2	Chưa quy định	Bổ sung nội dung: Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua	Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
6.6	Chưa quy định	Bổ sung nội dung: Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết	Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



Handwritten signature

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Quy chế
6.8	Chưa quy định	Bổ sung nội dung: Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ngân hàng	Điều 170 Luật Doanh nghiệp
6.9	Chưa quy định về rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung nội dung: Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp
6.10	Chưa quy định về hợp đồng, giao dịch giữa ngân hàng với thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung nội dung: Các hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại Điều 126, 127, 128, 129 Luật các TCTD và văn bản dưới luật) giữa Ngân hàng với thành viên Ban Kiểm soát và người có liên quan của họ phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua	Điều 59, 63 và 167 Luật Doanh nghiệp
6.17	Chưa có quy định	Bổ sung nội dung: ❖ <i>Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:</i> Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do ngân hàng phát hành.	Điều 171 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý /Lý do sửa đổi, bổ sung Quy chế
		<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ngân hàng trong giờ làm việc. ❖ Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. 	
Điều 7: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát			
7.8	Chưa có quy định đối với trường hợp ký Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Bổ sung nội dung: Trưởng Ban Kiểm soát ký Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu tất cả các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký Biên bản họp.</p>	Điều 42 Điều lệ
Điều 9: Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát			
9.1	Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ NCB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của NCB và của Cổ đông;	<p>Sửa đổi nội dung: Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ NCB, <u>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u>, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của NCB và của Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	Điều 173 Luật Doanh nghiệp
9.7	Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của NCB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công	<p>Sửa đổi nội dung: Thành viên Ban kiểm soát có các quyền có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng</p>	Điều 287 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

2765
 HÀNG
 CỔ PH
 DÂN
 M. T. P.

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý/Lý do sửa đổi, bổ sung Quy chế
		có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.	
9.12	Chưa quy định	Bổ sung nội dung: Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.	Điều 173 Luật Doanh nghiệp
9.13	Chưa quy định	Bổ sung nội dung: Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác	Điều 173 Luật Doanh nghiệp
Điều 12: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát			
12.5	Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;	Bổ sung nội dung: Trưởng ban Kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính , kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp , có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;	Điều 168 Luật Doanh nghiệp
12.6	Không phải là người có liên quan của người quản lý NCB	Bổ sung nội dung: Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, với người đại diện phần vốn của Ngân hàng. Không phải là người quản lý Ngân hàng. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Ngân hàng trừ trường hợp Điều lệ ngân hàng có quy định khác.	Điều 169 Luật Doanh nghiệp
Điều 13: Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát			

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Quy chế
13.5	Chưa quy định Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Bổ sung nội dung: Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều 174 Luật Doanh nghiệp
13.6.a	Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	Bổ sung nội dung: Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi.	
13.6.c	Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	Sửa đổi nội dung: Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm kiểm soát viên trong trường hợp không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	Điều 174.2 Luật Doanh nghiệp
13.1.g đến 13.1.j	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng, cổ đông. - Không trung thành với lợi ích của Ngân hàng thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông. - Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh 	Điều lệ sửa đổi bổ sung thêm

Điều khoản cần sửa đổi, bổ sung tại Quy chế	Nội dung hiện tại	Nội dung chỉnh sửa	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung Quy chế
		<p>các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng; - Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng. 	
Điều 16: Công khai các lợi ích liên quan			
	Thành viên ban kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan điều 39 Luật các TCTD, điều 159 Luật doanh nghiệp, theo Điều lệ của NCB và các quy định của pháp luật có liên quan.	<p><i>Sửa đổi nội dung:</i> Thành viên Ban kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan điều 39 Luật các TCTD, điều 164 Luật doanh nghiệp, theo Điều lệ của NCB và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	Điều 164 Luật Doanh nghiệp
Điều 17: Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát			
17.1	Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.	<p><i>Sửa đổi nội dung:</i> Thành viên ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại Hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.</p>	Điều 172 Luật Doanh nghiệp